

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 832 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 31 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND, UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

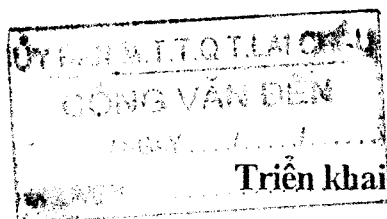
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc;
- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Lưu: VT, VX_(Dùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Văn Thành



KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 21/1/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)

I. MỤC ĐÍCH

Xác định mục tiêu phát triển vùng dân tộc thiểu số của tỉnh; Cụ thể hóa các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Ban hành các chính sách đặc thù của tỉnh để triển khai các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; Xây dựng lộ trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, chính sách.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; đẩy mạnh giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số, (rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc-bộ phận này vì không có cơ sở so sánh); giảm dần vùng đặc biệt khó khăn; phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số, tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định an ninh, quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số:* Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số qua đào tạo, tập huấn đạt trên 50%, trong đó trên 70% được đào tạo nghề; đảm bảo 100% các xã có trường học kiên cố, nhà công vụ giáo viên và ký túc xá cho học sinh ở những nơi cần thiết; 95% trẻ em trọng độ tuổi được đến trường; số sinh viên đạt 300 trên một vạn dân; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 50% lao động xã hội.

- *Công tác cán bộ người dân tộc thiểu số:* Đảm bảo tỷ lệ, cơ cấu hợp lý cán bộ là người dân tộc thiểu số; ở các vị trí chủ chốt phải có cán bộ là người dân tộc thiểu số; 100% cán bộ công chức cấp xã được đào tạo, trên 90% có trình độ trung cấp trở lên, trong đó 20% có trình đại học.

- *Giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số*: Tỷ lệ giảm nghèo bình quân 4%/năm; xóa nhà ở dột nát, trên 70% nhà đạt tiêu chuẩn; thu nhập bình quân đầu người tăng gấp hơn 2 lần so với hiện nay; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất, chuyển đổi sản xuất, ngành nghề phù hợp ở những nơi thiếu đất sản xuất; từng bước tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa đặc thù của địa phương, có giá trị kinh tế cao phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm một số sản phẩm nông nghiệp hàng hóa.

- *Phát triển cơ sở hạ tầng vùng dân tộc thiểu số*: Đảm bảo 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được các mùa trong năm; trên 50% đường giao thông nông thôn bản đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới; trên 95% hộ được sử dụng điện thường xuyên; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; internet đến hầu hết các thôn bản.

- *Phát triển văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số*: Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; 100% số hộ gia đình được xem truyền hình; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu các kênh phát thanh, truyền hình kỹ thuật số; phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật; 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, 15 bác sỹ, 38 giường bệnh/1 vạn dân, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Hệ thống chính trị ở cơ sở và an ninh quốc phòng vùng dân tộc thiểu số*: Quan tâm đúng mức trong đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ dân tộc thiểu số ở các đơn vị lực lượng vũ trang địa phương. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh được giữ vững và tăng cường.

- *Môi trường sống vùng dân tộc thiểu số*: Tỷ lệ che phủ của rừng trên 50%; bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, nhất là khu vực rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn; Hạn chế thiệt hại do các sự cố môi trường, thiên tai; bố trí khu chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhà vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh môi trường nông thôn.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, tăng cường mạng lưới các trường, cơ sở đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số để tập trung ưu tiên đào tạo con em đồng bào dân tộc thiểu số. Củng cố, mở rộng quy mô hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, củng cố và phát triển các loại hình trường, lớp nội trú dân nuôi, các

trung tâm học tập cộng đồng.

- Tổ chức dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số; tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số.

- Đề xuất bổ sung, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Trong đó chú trọng các chính sách hỗ trợ đối với con em người dân tộc thiểu số thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng nhằm khuyến khích học sinh người dân tộc thiểu số học tập nâng cao trình độ.

- Thực hiện tốt các chính sách phát triển giáo dục đối với con em các dân tộc đặc biệt khó khăn, dân tộc ít người (Si La, Cống, Mảng, La Hủ).

- Đẩy mạnh công tác giáo dục, phổ biến tuyên truyền pháp luật vùng dân tộc thiểu số. Đổi mới và đa dạng hóa các loại hình tuyên truyền, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ pháp lý miễn phí.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số đang tại ngũ để tạo nguồn cán bộ khi xuất ngũ về địa phương.

- Vận động và tranh thủ các nguồn vốn hợp pháp trong và ngoài nước để tăng cường nguồn nhân lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo vùng dân tộc thiểu số.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số để tạo điều kiện cho cán bộ, học sinh người dân tộc thiểu số được học tập nâng cao trình độ, trong đó ưu tiên đào tạo vừa làm vừa học.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho thanh niên người dân tộc thiểu số, đào tạo nghề gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, đào tạo theo địa chỉ, gắn với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp nhằm đảm bảo giải quyết tốt việc làm cho lao động sau đào tạo.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; củng cố an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể đến từng thôn bản, đặc biệt là thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới; tăng cường cán bộ các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, lực lượng vũ trang xuống cơ sở trọng điểm về an ninh, quốc phòng, khu vực biên giới.

- Thực hiện tốt chính sách động viên, khuyến khích già làng, trưởng bản, người có uy tín tham gia công tác kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án, chính sách thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số. *

- Thực hiện quy hoạch, đào tạo, phân luồng, hướng nghiệp học sinh dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và các cấp học khác để tạo nguồn cán bộ gắn với nhu cầu sử dụng của địa phương, đặc biệt chú trọng các vị trí cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị cơ sở.

- Xây dựng chính sách giải quyết, bố trí việc làm cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp nghề, đại học. Trong đó, ưu tiên giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên người dân tộc ít người, đặc biệt khó khăn của tỉnh sau khi tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp (bao gồm cả các học sinh, sinh viên ngoài cử tuyển). Đảm bảo quỹ biên chế phù hợp để tuyển dụng các học sinh, sinh viên sau khi ra trường.

- Tạo điều kiện phát triển đội ngũ doanh nhân là người dân tộc thiểu số.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ nguồn là người dân tộc thiểu số.

- Đánh giá và thực hiện tốt chính sách thu hút cán bộ, tri thức trẻ về công tác tại các xã thuộc huyện nghèo.

3. Phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo đồng bào vùng dân tộc thiểu số

3.1. Sản xuất nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản:

- Tập trung phát triển vùng chuyên canh sản xuất quy mô lớn đối với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cao su, chè, rau quả, hoa, cây cảnh... Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, nuôi bán công nghiệp tập trung gắn với phát triển chế biến dự trữ thức ăn, trồng cỏ đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu thị trường. Phát triển thủy sản theo hướng tổ chức khai thác tốt diện tích mặt nước hiện có, khai thác có hiệu quả nguồn lợi trên diện tích các hồ thủy điện, phát triển nuôi cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm...) tại khu vực có đủ điều kiện. Từng bước hình thành nghề rừng và phát triển ngành kinh tế rừng. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng đặc biệt là rừng kinh tế gắn với xây dựng các nhà máy chế biến.

- Điều chỉnh chính sách thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi sản xuất cho người dân tộc thiểu số.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Nghiên cứu, ứng dụng các đề tài khoa học trong sản xuất.

3.2. Phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có lợi thế nhằm giải quyết việc làm cho lao động người dân tộc thiểu số, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong vùng dân tộc thiểu số như: công nghiệp chế biến nông, lâm sản; công nghiệp tiêu dùng và thủ công nghiệp truyền thống (mây tre đan, dệt thổ cẩm, ...); thủy điện; chế biến thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng.

3.3. Phát triển thương mại – du lịch trong vùng dân tộc thiểu số

- Phát triển hệ thống chợ tại các trung tâm cụm xã, các xã, trước mắt ưu tiên xây dựng một số chợ khu vực biên giới, các chợ đầu mối. Đảm bảo cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào vùng cao và bình ổn giá cả thị trường.

- Phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái để khai thác tốt các tiềm năng sẵn có của địa phương.

3.4. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, đẩy mạnh hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu sản xuất, thực hiện tốt chính sách xuất khẩu lao động, hỗ trợ người dân tộc thiểu số về vốn, kỹ năng lao động và thủ tục đi lao động ở nước ngoài.

3.5. Tạo cơ hội bình đẳng để đồng bào tiếp cận các nguồn lực phát triển và thụ hưởng dịch vụ, phúc lợi xã hội; tạo môi trường thuận lợi để thu hút mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

- Đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn đến trung tâm các xã (cứng hóa mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đầy đủ) đảm bảo đi lại được các mùa trong năm. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông đến các thôn bản, liên thôn bản, các khu vực quy hoạch sắp xếp lại dân cư, khu vực sản xuất tập trung theo tiêu chuẩn nông thôn mới. Phát triển hệ thống giao thông đường thủy (hồ thủy điện Sơn La, Lai Châu) và xây dựng, nâng cấp một số cảng đường thủy trên Sông Đà phục vụ nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế.

- Tập trung đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ đa mục tiêu phục vụ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, cấp nước sinh hoạt, khai thác thủy điện.

- Tiếp tục đầu tư các công trình nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho các vùng nông thôn, ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn về nước sinh hoạt. Có cơ chế

ưu tiên về mặt bằng, thuế,... để huy động mọi thành phần kinh tế đầu tư và tổ chức cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho vùng dân tộc thiểu số.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học, mở rộng và xây dựng mới các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu duy trì phổ cập trung học cơ sở. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia.

- Xây dựng mới, nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực, các trạm y tế xã theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Nâng cấp, xây dựng mới phòng khám, trạm y tế quân dân y kết hợp.

- Xây dựng, nâng cấp mạng lưới trung thế và hạ thế đến các xã, bản, đặc biệt là những địa bàn chưa có lưới điện quốc gia. Đầu tư đầy đủ đường dây hạ thế, trạm biến áp và công tơ tới các vùng phụ tải.

- Đầu tư chợ ở các khu vực có điều kiện giao lưu phát triển, nhất là các chợ ở khu vực vùng biên giới của các huyện Mường Tè, Phong Thổ.

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch sắp xếp dân cư những nơi cần thiết (quy hoạch nông thôn mới; quy hoạch khu vực đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu vực rừng phòng hộ ...).

- Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân tộc thiểu số.

- Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao tại các xã, cụm xã. Đầu tư hệ thống nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng ở thôn bản đảm bảo theo chuẩn nông thôn mới.

5. Phát triển toàn diện các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe người dân, đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản; Cung cấp đầy đủ, kịp thời và đảm bảo chất lượng về thuốc, vật tư, trang thiết bị cho các cơ sở y tế. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế về chuyên môn, y đức; phát triển mạnh y tế dự phòng.

- Giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và sinh con thứ 3 trở lên trong đồng bào dân tộc thiểu số (đối với tình trạng sinh con thứ ba trở lên không áp dụng đối với các nhóm dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Mảng, Cống, Si La, Lự)

- Tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ khám bệnh định kỳ ở các cơ sở y tế; ưu tiên hỗ trợ dinh dưỡng cho các cháu mẫu giáo, mầm non và học sinh tiểu học để cải thiện tầm vóc, sức khỏe thanh, thiếu niên các dân tộc thiểu số.

- Không chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong vùng dân tộc thiểu số.

- Phát triển mô hình y tế lưu động tăng cường cho vùng có điều kiện khó khăn, khu vực biên giới.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, các chính sách hỗ trợ y tế cho các dân tộc thiểu số đặc thù.

6. Bảo tồn, phát triển văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số

- Thực hiện chương trình, kế hoạch hành động cụ thể nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, thường kỳ tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo và thụ hưởng văn hóa tinh thần cho Nhân dân và bảo tồn di sản văn hóa các dân tộc trên địa bàn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu những giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc tỉnh Lai Châu.

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú từ tỉnh đến cơ sở; củng cố hoạt động của các câu lạc bộ, đội văn nghệ; tạo điều kiện để quần chúng trực tiếp tham gia vào các hoạt động sáng tác và biểu diễn; quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ với các hạt nhân văn nghệ ở các cơ sở; đẩy mạnh xã hội hóa trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng; chú trọng tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ giữa các địa phương, đơn vị nhằm lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc.

- Phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số. Xây dựng nếp sống văn minh, bài trừ mê tín, dị đoan, hủ tục lạc hậu;

- Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa gắn với công tác bảo quản, bảo tồn di tích lịch sử tại địa phương.

- Hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới, hỗ trợ trẻ em, nhất là trẻ em nghèo vùng dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

7. Về bảo vệ môi trường vùng dân tộc thiểu số

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng; Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thu

gom, phân loại rác thải tại nguồn và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số.

- Truyền thông nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho bộ máy quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các nhóm dân cư dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu nhằm ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo môi trường sống, môi trường sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; hỗ trợ người dân vùng dân tộc thiểu số trong việc xây dựng các công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm theo tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới.

8. Tập trung đầu tư phát triển địa bàn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số: Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững cho các huyện nghèo; Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, bản đặc biệt khó khăn; Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc đặc biệt khó khăn.

9. Phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu, xây dựng chương trình khoa học cấp tỉnh về các hoạt động liên quan đến công tác dân tộc; ưu tiên bố trí vốn cho các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số.

- Chú trọng đổi mới việc triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

10. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trong vùng dân tộc thiểu số

- Chỉ đạo các ngành chức năng chủ động nắm chắc tình hình an ninh trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Trên cơ sở đó, phân tích đánh giá và dự báo tình hình, kịp thời tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các chủ trương, giải pháp phù hợp nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch và các loại đối tượng lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo để hoạt động, kích động quần chúng tham gia hoạt động gây phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh; phức tạp hạn chế những sơ hở, thiết sót mà các thế lực thù địch, phản động và bọn tội phạm và tệ nạn xã hội; triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự an toàn xã hội; kiểm chế sự gia tăng của tội phạm, nhất là tội phạm

hình sự nguy hiểm, tội phạm về ma túy; bảo vệ tốt kinh tế, tài sản của Nhà nước, tính mạng, tài sản của Nhân dân.

- Phát động mạnh mẽ phong trào “Toàn dân bảo vệ An ninh Tô quốc”, tăng cường phổ biến, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước. Vận động quần chúng Nhân dân tích cực tham gia phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong cộng đồng dân cư, xây dựng thể trận An ninh Nhân dân gắn với thể trận Quốc phòng toàn dân vững chắc phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2020

Bên cạnh việc triển khai các chương trình, chính sách, đề án, dự án thực hiện chiến lược công tác dân tộc của các Bộ ngành Trung ương, tỉnh Lai Châu ban hành các chương trình, chính sách, đề án, dự án đặc thù (sau đây gọi chung là chính sách) của địa phương nhằm triển khai hoàn thành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn.

1. Số lượng chính sách: 39 chính sách. Trong đó:

- Chính sách về giáo dục đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực: 03 chính sách.

- Chính sách về củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội: 05 chính sách.

- Chính sách về tuyên truyền, thông tin truyền thông: 07 chính sách.

- Chính sách về phát triển văn hóa: 11 chính sách.

- Chính sách về môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu: 03 chính sách.

- Chính sách về thương mại, du lịch: 06 chính sách.

- Chính sách về phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội: 02 chính sách.

- Chính sách về khoa học - công nghệ: 02 chính sách.

2. Cơ quan chủ trì: 12 cơ quan. Trong đó:

- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh: 09 cơ quan.

- UBND các huyện: 03 cơ quan.

(Có phụ lục danh sách các đề án kèm theo)

V. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

1. Thời gian triển khai: Kế hoạch triển khai được chia làm 02 giai đoạn với các nhiệm vụ cụ thể sau:

1.1. Giai đoạn 2014 – 2017

- Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai các nhiệm vụ; Xây dựng và triển khai các chính sách đặc thù của tỉnh; Triển khai các chính sách của Trung ương (theo hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương).

- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chính sách. Bổ sung, điều chỉnh các nhiệm vụ, các chính sách cho phù hợp.

- Sơ kết (4 năm) đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động.

1.2. Giai đoạn 2018 – 2020

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ; các chính sách (của Trung ương, của tỉnh).

- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chính sách. Bổ sung, điều chỉnh các nhiệm vụ, các chính sách cho phù hợp.

- Tổng kết kết quả thực hiện Chương trình hành động.

2. Phân công nhiệm vụ

2.1. Ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu triển khai công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch vốn thực hiện các chính sách dân tộc; hướng dẫn các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai có hiệu quả các chính sách dân tộc; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách ở vùng đồng bào dân tộc; tổng kết, sơ kết kết quả thực hiện các chính sách dân tộc. .

- Tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển người dân tộc thiểu trên địa bàn tỉnh; phản biện, tham gia ý kiến đối với việc xây dựng, thẩm định và triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu việc bố trí, đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số; kiện toàn hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và UBND các huyện, thành phố thực hiện tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tham mưu tổ chức Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số của tỉnh theo quy định.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan thẩm định quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thẩm định các chính sách đặc thù của tỉnh thực hiện Chương trình hành động. Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối nguồn lực thực hiện các chương trình, chính sách đầu tư ở vùng dân tộc thiểu số.

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ chủ quản, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ, chính sách của Chương trình hành động.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ về tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của UBND tỉnh.

2.3. Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối ngân sách, bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, các chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số. Kiểm soát và chỉ đạo giải ngân nguồn vốn hàng năm cho các chương trình, dự án. Hướng dẫn việc thanh, quyết toán các nguồn vốn đầu tư theo quy định. Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo các nguồn vốn đưa vào sử dụng đúng quy định, đúng mục đích, có hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu về cơ chế, chính sách để thu hút, huy động, sử dụng nguồn vốn cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, quy hoạch phát triển ngành và thẩm định các chính sách đặc thù của tỉnh theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của UBND tỉnh.

2.4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu triển khai các nhiệm vụ, chính sách phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo, bồi

dưỡng, quy hoạch bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; Đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở; Tiếp tục triển khai, mở rộng việc dạy và học tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, lực lượng vũ trang tham gia công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số của tỉnh đang tại ngũ để tạo nguồn cán bộ khi xuất ngũ về địa phương; Tăng cường sỹ quan lực lượng vũ trang xuống các xã trọng điểm, các xã biên giới.

2.5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu triển khai các nhiệm vụ, chính sách phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số.

- Đề xuất ban hành các chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số của tỉnh (chính sách cử tuyển, chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo người dân tộc rất ít người, đặc biệt khó khăn...); triển khai việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

2.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu triển khai các nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản vùng dân tộc thiểu số.

- Tham mưu các giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tham mưu triển khai có hiệu quả các chính sách về quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Xây dựng các mô hình phát triển sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ.

- Phối hợp vùng Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung các chính sách thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống vùng các dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách giao đất, giao rừng ổn định lâu dài cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để bảo vệ, phát triển rừng hiệu quả, bền vững.

2.7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu thực hiện các nhiệm vụ, chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động người dân tộc thiểu số; xuất khẩu lao động người dân tộc thiểu số;

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số; giải quyết các vấn đề xã hội khác ở vùng dân tộc thiểu số; Tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.8. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, UBND các huyện, thành phố tham mưu triển khai các nhiệm vụ về phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân vùng dân tộc thiểu số.

- Đề xuất việc đầu tư, phát triển các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh; chế độ, chính sách đối với cán bộ y tế, nhân viên y tế thôn bản; thực hiện bố trí cán bộ y tế công tác ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Hướng dẫn, kiểm tra mạng lưới y tế cơ sở; đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho đồng bào. Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để xây dựng kế hoạch tuyên truyền về công tác giữ gìn vệ sinh môi trường ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ việc khai thác, bảo tồn, sử dụng các bài thuốc dân gian và phương pháp chữa bệnh cổ truyền của đồng bào dân tộc.

2.9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu triển khai các nhiệm vụ, chính sách phát triển văn hóa, du lịch vùng dân tộc thiểu số.

- Xây dựng các thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện công tác sưu tầm và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các đề án nghiên cứu, khôi phục bản sắc văn hóa các dân tộc; Tổ chức thực hiện, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Tham mưu phát triển các loại hình du lịch gắn với phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo cho vùng dân tộc thiểu số.

2.10. Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vùng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ định hướng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của người dân tộc thiểu số.

2.11. Sở Khoa học và Công nghệ

- Triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học, các kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về phát triển kinh tế xã hội cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu lý luận và tình hình thực hiện chính sách dân tộc tại địa phương. Trong đó chú trọng các đề tài về khôi phục, bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; Các đề tài về đánh giá chính sách thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số.

2.12. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu; hướng dẫn, phổ biến kiến thức về thu gom, phân loại rác thải tại nguồn và xử lý chất thải rắn sinh hoạt vùng dân tộc thiểu số.

2.13. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ, các chính sách phát triển thông tin, truyền thông vùng dân tộc thiểu số.

2.14. Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch và chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn giai đoạn 2014 - 2020;

- Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2020 ở các xã. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện hàng năm theo quy định;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện ở cấp xã;

- Chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp và tổ chức lồng ghép các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện đầu tư hiệu quả; tiếp tục ưu tiên giải quyết đất ở, đất sản xuất cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới. Tăng cường giữ vững an ninh quốc phòng. Tiếp tục xây dựng và tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa từ huyện đến xã. Chú trọng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần ở nông thôn, vùng khó khăn. Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý công tác dân tộc; tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.15. Các sở, ngành liên quan khác có trách nhiệm

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành và nhiệm vụ thực hiện Chương trình hành động chủ động tham mưu, triển khai đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Lồng ghép các chương trình, dự án phát triển của ngành với các nhiệm vụ, chính sách thuộc Chương trình để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

- Trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương, phối hợp triển khai thực hiện chính sách, quy hoạch, đề án của Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố được phân công có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt kế hoạch cụ thể triển khai các nhiệm vụ, chính sách gửi Ban Dân tộc tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết hàng năm trên địa bàn tỉnh.

Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chính sách của Chương trình hàng năm, định kỳ báo cáo về Ban Dân tộc trước ngày 15/11 (hàng năm) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao cho Ban Dân tộc là cơ quan thường trực chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/11 hàng năm. Tham mưu cho UBND tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện Chương trình.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu nảy sinh những vướng mắc hoặc phát sinh nhiệm vụ mới, đề nghị báo cáo Cơ quan thường trực tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

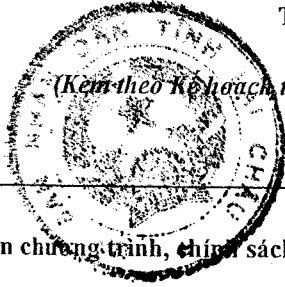
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Văn Thành

Vương Văn Thành


DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2020



(Kèm theo Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2020)

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
I	Giáo dục đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực				
1	Đề án về một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2015 - 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở KHĐT, Sở Tài chính, Ban Dân tộc, UBND các huyện, thành phố	2015	2015 - 2020
2	Đề án về một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo viên người dân tộc thiểu số của Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thành phố	2015	2015 - 2020
3	Đào tạo nghề và xây dựng 500 mô hình thanh niên dân tộc làm kinh tế giỏi	Tinh đoàn Thanh niên	Sở Tài chính, Sở LĐTBXH, UBND các huyện, thành phố	2014	2015 - 2020
II	Củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội				
1	Đề án củng cố và xây dựng hệ thống chính trị các xã: Tả Tổng, Pa Ủ - huyện Mường Tè	UBND huyện Mường Tè	Sở Nội vụ	2013 - 2014	2013 - 2015
2	Đề án củng cố và xây dựng hệ thống chính trị các xã: Nậm Khao, Bum Tở - huyện Mường Tè	UBND huyện Mường Tè	Sở Nội vụ	2014 - 2015	2015 - 2020
3	Đề án củng cố và xây dựng hệ thống chính trị các xã: Vàng San, Tả Bạ, Pa Vệ Sủ - huyện Mường Tè	UBND huyện Mường Tè	Sở Nội vụ	2016	2016 - 2020
4	Đề án củng cố và xây dựng hệ thống chính trị xã Nậm Manh - huyện Nậm Nhùn	UBND huyện Nậm Nhùn	Sở Nội vụ	2013	2013 - 2015
5	Đề án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, củng cố và xây dựng hệ thống chính trị xã Nậm Ban - huyện Nậm Nhùn	UBND huyện Nậm Nhùn	Sở Nội vụ	2013	2013 - 2015
III	Tuyên truyền, thông tin truyền thông				
1	Triển khai chương trình "Nâng cao khả năng sử dụng máy vi tính và truy nhập internet công cộng tại Việt Nam" - dự án do Quỹ Bill & Melinda Gates (BMGF) tài trợ	Sở Thông tin TT	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2015
2	Quy hoạch hạ tầng Viễn thông thụ động tỉnh Lai Châu năm 2015 và định hướng đến năm 2020	Sở Thông tin TT	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
3	Quy hoạch phát triển phát thanh truyền hình tỉnh Lai Châu đến năm 2015 định hướng 2020	Sở Thông tin TT	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2012	2012 - 2020
4	Quy hoạch phát triển Báo chí, xuất bản tỉnh Lai Châu đến năm 2020	Sở Thông tin TT	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố		
5	Đề án truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường cho các vùng khó khăn	Sở Y Tế	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2015	2015 - 2020
6	Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về công tác bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện; Các tổ chức chính trị - xã hội huyện	2015	2017 - 2020

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
7	Đề án tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho bộ máy quản lý các cấp và cộng đồng dân cư vùng dân tộc thiểu số	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2014	2016
IV Phát triển văn hóa					
1	Nghiên cứu, khôi phục các sắc thái văn hóa đặc sắc các dân tộc huyện Tam Đường phục vụ du lịch cộng đồng, xóa đói giảm nghèo	Sở Văn hóa TTDL	Ban Dân tộc; UBND huyện Tam Đường	Quý II/2015	Quý IV/2015
2	Sưu tầm, khôi phục và phát huy giá trị ẩm thực các dân tộc tỉnh Lai Châu phục vụ du lịch, xóa đói giảm nghèo	Sở Văn hóa TTDL	Ban Dân tộc; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2016	Quý III/2016
3	Nghiên cứu, khôi phục và bảo tồn các giá trị tín ngưỡng lễ hội truyền thống dân tộc Mông - huyện Sin Hồ phục vụ du lịch và đảm bảo an ninh quốc phòng	Sở Văn hóa TTDL	Ban Dân vận Tỉnh ủy; UBND huyện Sin Hồ	Quý IV/2016	Quý III/2017
4	Sưu tầm, bảo tồn tri thức dân gian trong y học cổ truyền của dân tộc Dao ở huyện Sin Hồ	Sở Văn hóa TTDL	Sở Y tế; UBND huyện Sin Hồ	Quý IV/2017	Quý II/2018
5	Sưu tầm, bảo tồn các làn điệu dân ca - dân vũ dân tộc Lự phục vụ hoạt động du lịch cộng đồng ở xã Bàn Hòn, huyện Tam Đường	Sở Văn hóa TTDL	UBND huyện Tam Đường	Quý IV/2018	Quý II/2019
6	Sưu tầm, bảo tồn phong tục cưới xin truyền thống của dân tộc La Hủ ở huyện Mường Tè	Sở Văn hóa TTDL	UBND huyện Mường Tè	Quý IV/2019	Quý II/2020
7	Truyền dạy các làn điệu dân ca - dân vũ dân tộc Hà Nhì huyện Mường Tè	Sở Văn hóa TTDL	UBND huyện Mường Tè	Quý I/2020	Quý IV/2020
8	Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa gắn với công tác trùng tu, tôn tạo di tích trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Văn hóa TTDL	UBND các huyện, thành phố	Hàng năm	
9	Đề án khôi phục và trình diễn Xòe của dân tộc Hà Nhì	UBND huyện Mường Tè	Sở VH TTDL	2014	2014 - 2020
10	Đề án sưu tầm và xây dựng điểm trưng bày nhạc cụ; trang phục các dân tộc huyện Mường Tè	UBND huyện Mường Tè	Sở VH TTDL	2015	2016 - 2020
11	Đề án phục dựng lễ cúng bản dân tộc Cống, Hà Nhì	UBND huyện Mường Tè	Sở VH TTDL	2014	2014 - 2020
V Môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu					
1	Đề án tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thu gom, phân loại rác thải tại nguồn và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực dân tộc thiểu số	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	2015	2016
2	Chính sách hỗ trợ phát triển các nhóm dân tộc dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu nhằm ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; các tổ chức đoàn thể; UBND các huyện, thành phố	2015	2018
3	Đề án xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho các vùng đặc biệt khó khăn	Sở Y tế	Các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	2014	2015 - 2020
4	Nghiên cứu, sưu tầm tri thức bản địa các dân tộc Thái, Dao, Mông, Hà Nhì về ứng xử với thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Văn hóa TTDL	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố	2015	2016 - 2017
VI Thương mại, du lịch					
1	Xây dựng chợ biên giới Pô Tô thuộc xã Huổi Luông - Phong Thổ; U Ma Tu Khoàng thuộc xã Thu Lũm - Mường Tè	UBND huyện Phong Thổ, Mường Tè	Sở Công Thương; BCH Biên phòng tỉnh	2014	2014 - 2020

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
2	 Chương trình khuyến công ở vùng dân tộc thiểu số	Sở Công thương	Ban Dân tộc; các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố; Liên minh HTX; Hội Nông dân tỉnh	2014	2015- 2020
3	Chương trình tiết kiệm năng lượng vùng dân tộc thiểu số	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Điện lực tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
4	Chương trình xúc tiến thương mại vùng dân tộc thiểu số	Sở Công thương	Ban Dân tộc, Sở KHCCN, Điện lực tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
5	Đề án luân phiên tổ chức hội chợ thương mại quốc tế Việt - Trung	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, BQL khu kinh tế cửa khẩu MLT	2014	2014 - 2020
6	Đề án khảo sát, quy hoạch điểm du lịch gắn liền cộng đồng dân tộc	UBND huyện Mường Tè	Sở Công thương, Sở VH-TT-DL	2014	2015 - 2020
VII Phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội					
1	Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi góp phần tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số tại Lai Châu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	2015	2016 - 2020
VIII Khoa học - Công nghệ					
1	Nghiên cứu, xây dựng mô hình thu gom - xử lý phế phụ phẩm trồng trọt nhằm giảm phát thải khí nhà kính nông thôn, bảo vệ rừng, tăng thu nhập từ cây trồng cho người dân tộc thiểu số	Sở Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Tây bắc	2015	2016
2	Nghiên cứu giải pháp phát triển bền vững các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực cho tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Viện Nghiên cứu và Phát triển vùng - Bộ KH-CN	2015	2016